

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và trang thông tin điện tử

- Tên cơ sở đào tạo:* Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
- Mã trường:* DHY.
- Địa chỉ các trụ sở:* 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường:* <https://huemed-univ.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh*
  - Đại học Huế: 0234.3825866.
  - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3822173.
- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:* <https://huemed-univ.edu.vn/cong-khai-thong-tin>
- Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục*
  - Sứ mạng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, khám chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.
  - Tầm nhìn: Phát triển Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế theo mô hình Trường - Viện đạt tiêu chuẩn cấp quốc gia vào năm 2030 và hướng tới đạt chuẩn quốc tế vào năm 2045.
  - Giá trị cốt lõi: Tri thức và Nhân ái.
  - Triết lý giáo dục: Tinh hoa - Khai phóng - Phụng sự.

#### 1.2. Quy mô đào tạo (đến ngày 31/12/2022)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		<b>59</b>
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
1.1.1	Ngành Khoa học y sinh	9720101	4
1.1.2	Ngành Ngoại khoa	9720104	14

<b>STT</b>	<b>Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo</b>	<b>Mã lĩnh vực/ngành</b>	<b>Quy mô đào tạo</b>
1.1.3	Ngành Sản phụ khoa	9720105	9
1.1.4	Ngành Nhi khoa	9720106	3
1.1.5	Ngành Nội khoa	9720107	20
1.1.6	Ngành Điện quang và y học hạt nhân	9720111	4
1.1.7	Ngành Y tế công cộng	9720701	5
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		<b>532</b>
<b>2.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
2.1.1	Ngành Dược lý và dược lâm sàng	8720205	16
2.1.2	Ngành Điện quang và y học hạt nhân	8720111	45
2.1.3	Ngành Điều dưỡng	8720301	21
2.1.4	Ngành Gây mê hồi sức	8720102	26
2.1.5	Ngành Khoa học y sinh	8720101	18
2.1.6	Ngành Nội khoa	8720107	108
2.1.7	Ngành Ngoại khoa	8720104	77
2.1.8	Ngành Nhi khoa	8720106	57
2.1.9	Ngành Quản lý bệnh viện	8720802	
2.1.10	Ngành Răng - Hàm - Mặt	8720501	34
2.1.11	Ngành Sản phụ khoa	8720105	47
2.1.12	Ngành Tai - Mũi - Họng	8720155	26
2.1.13	Ngành Y học cổ truyền	8720115	22
2.1.14	Ngành Y tế công cộng	8720701	35
<b>3</b>	<b>Bác sĩ nội trú</b>		<b>340</b>
<b>4</b>	<b>Chuyên khoa cấp I</b>		<b>1230</b>
<b>5</b>	<b>Chuyên khoa cấp II</b>		<b>278</b>
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>		
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>		
<b>3.1.1</b>	<i>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</i>		
<b>3.1.2</b>	<i>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</i>		
<b>3.1.2.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
3.1.2.1.1	Ngành Y khoa	7720101	2661
3.1.2.1.2	Ngành Răng - Hàm - Mặt	7720501	805
3.1.2.1.3	Ngành Y học dự phòng	7720110	320
3.1.2.1.4	Ngành Y học cổ truyền	7720115	596
3.1.2.1.5	Ngành Dược học	7720201	1028

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.1.2.1.6	Ngành Điều dưỡng	7720301	807
3.1.2.1.7	Ngành Hộ sinh	7720302	85
3.1.2.1.8	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	553
3.1.2.1.9	Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	280
3.1.2.1.10	Ngành Y tế công cộng	7720701	33
<b>3.2</b>	<b>Đối tượng từ trung cấp lên đại học</b>		
<b>3.2.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
3.2.1.1	Ngành Y khoa	7720101	43
<b>3.3</b>	<b>Đối tượng từ cao đẳng lên đại học</b>		
<b>3.3.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
3.3.1.1	Ngành Dược học	7720115	145
3.3.1.2	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	5
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		
<b>4.2</b>	<b>Đối tượng từ trung cấp lên đại học</b>		
<b>4.3</b>	<b>Đối tượng từ cao đẳng lên đại học</b>		
<b>4.3.1</b>	<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>		
4.3.1.1	Ngành Điều dưỡng	7720201	91
4.3.1.2	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	31
4.3.1.3	Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	52

### 1.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 74.854,8 m<sup>2</sup>
- + Tại 06 Ngô Quyền: 47.554,8 m<sup>2</sup>
- + Tại Trường Bia: 27.300 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: ký túc xá dùng chung cho toàn Đại học Huế.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	178	10.129,35

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	1.339,00
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	27	3.297,00
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	24	1.863,00
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	10	336,00
1.5	Số phòng học đa phương tiện	6	573,35
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	107	2.721,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3.187,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	282	17.570,00
	<b>Tổng</b>	<b>461</b>	<b>30.886,35</b>

## **II. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2023**

### **2.1. Tuyển nghiên cứu sinh**

**2.1.1. Đối tượng tuyển sinh:** Theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 26/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế; Quyết định số 70/QĐ-ĐHH ngày 27/01/2023 về việc sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh nghiên cứu sinh của Đại học Huế. Cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy (ngành đúng, phù hợp) loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ (ngành đúng, phù hợp) với ngành đăng kí dự tuyển hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù đúng hoặc phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển. Các bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp phải kèm theo văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có lí lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên

cứu; hoặc trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có bản dự thảo đề cương nghiên cứu làm theo mẫu tham khảo tại Phụ lục I của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành. Trong đề cương nghiên cứu có thể đề xuất người hướng dẫn;

- Có bản dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa tham khảo tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành;

- Có 01 thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có uy tín cùng ngành hoặc nhóm ngành và 01 thư giới thiệu của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với người dự tuyển đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có 02 thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có uy tín cùng ngành hoặc nhóm ngành đối với người dự tuyển tự do. Thư giới thiệu phải có các nội dung đánh giá, nhận xét người dự tuyển về:

+ Phẩm chất nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn, cần bổ sung thêm nhận xét về nội dung nghiên cứu, tính cấp thiết, khả thi của đề tài;

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm nghiên cứu sinh.

- Ngoại ngữ

+ Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành trong thời

hạn 02 năm tính đến ngày đăng kí dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

+ Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có chứng chỉ ngoại ngữ theo Quy định tại Phụ lục III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

- Người dự tuyển chưa đáp ứng các điều kiện dự tuyển trình độ tiến sĩ có thể nộp hồ sơ đăng kí học dự bị tiến sĩ theo Quy định tuyển sinh và đào tạo dự bị tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành.

- Người hướng dẫn nghiên cứu sinh: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 18 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế hiện hành.

- Các yêu cầu khác căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT; Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH và Quyết định số 70/QĐ-ĐHH.

**2.1.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trên cả nước.

**2.1.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

**2.1.4. Điều kiện xét tuyển:** Theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 26/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh nghiên cứu sinh của Đại học Huế.

**2.1.5. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 48 chỉ tiêu theo từng ngành bao gồm chỉ tiêu cho hệ đào tạo bằng tiếng Việt và hệ đào tạo song ngữ bằng tiếng Anh.

<b>TT</b>	<b>Ngành</b>	<b>Số lượng</b>
1	Điện quang và y học hạt nhân	5
2	Khoa học y sinh	6
3	Nội khoa	15
4	Ngoại khoa	5
5	Nhi khoa	3
6	Sản phụ khoa	10
7	Y tế công cộng	4
	<b>Tổng</b>	<b>48</b>

**2.1.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:** Theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

**2.1.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường:** Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế và Thông báo tuyển nghiên cứu sinh và dự bị tiến sĩ của Đại học Huế.

**2.1.8. Chính sách ưu tiên:** Theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

**2.1.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:** Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các quy định có liên quan (nếu có) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

## **2.2. Tuyển sinh cao học**

### **2.2.1. Điều kiện tuyển sinh**

#### **2.2.1.1. Điều kiện ngoại ngữ**

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ ngoại ngữ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên có chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Bằng tốt nghiệp đại học do các đơn vị thành viên và thuộc Đại học Huế cấp trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các đơn vị đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông báo số 1226/TB-QLCL ngày 30/8/2022 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ tương đương khác quy định tại Phụ lục III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế.

#### **2.2.1.2. Điều kiện văn bằng đại học**

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về văn bằng đại học sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cấp. Đối với bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải

có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học là ngành gần hoặc khác với ngành đăng kí dự tuyển trình độ thạc sĩ, người dự tuyển phải hoàn thành bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

c) Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải có bằng tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập đã được đăng tải trên tạp chí hoặc kỉ yếu hội nghị khoa học có phản biện;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh

cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

**2.2.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trên cả nước.

**2.2.3. Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc xét tuyển kết hợp thi tuyển (kỳ thi tuyển được đưa vào trong tiêu chí xét tuyển đặc thù của Trường) quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế.

- Việc xét tuyển do Đại học Huế tổ chức. Tuyển sinh Cao học năm 2023 theo thông báo của Đại học Huế và của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

**2.2.3.1. Phương án tuyển sinh:** Kết hợp xét tuyển với thi tuyển (kỳ thi tuyển riêng của Trường), trong đó điểm thi được sử dụng cho tiêu chí 3 trong Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Đại học Huế.

**2.2.3.2. Cách tính điểm xét tuyển**

- Điểm xét tuyển = <Điểm Tiêu chí 1> \*2 + <Điểm Tiêu chí 2> + <Điểm Tiêu chí 3> + <Điểm đối tượng ưu tiên>.

- Điểm Tiêu chí 1, Điểm Tiêu chí 2 và Điểm đối tượng ưu tiên: theo quy định của Đại học Huế trong Thông báo tuyển sinh.

- Điểm Tiêu chí 3: là điểm thi tuyển trong kỳ thi của Trường Đại học Y - Dược, trong đó:

+ Môn thi: Là môn chủ chốt (chuyên ngành).

+ Thi tuyển theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; trắc nghiệm hoặc tự luận. Điểm bài thi được tính trên thang điểm 100 để thành Điểm Tiêu chí 3 (chi



tiết kỳ thi tuyển này sẽ có trong thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Y-Dược).

**2.2.3.3. Cách xét tuyển:** Lấy <Điểm xét tuyển> từ cao đến thấp theo từng ngành đào tạo của Trường đến hết chỉ tiêu xét tuyển (theo quy định của Đại học Huế trong thông báo tuyển sinh).

**2.2.3.4. Các môn thi chủ chốt theo từng ngành**

<b>TT</b>	<b>Ngành dự tuyển</b>	<b>Môn chủ chốt (chuyên ngành)</b>
1	Điều dưỡng	Điều dưỡng
2	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức
3	Khoa học y sinh	Hóa sinh y học
4	Nội khoa	Nội khoa
5	Ngoại khoa	Ngoại khoa
6	Nhi khoa	Nhi khoa
7	Răng - Hàm - Mặt	Răng Hàm Mặt
8	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa
9	Tai - Mũi - Họng	Tai Mũi Họng
10	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền
11	Y tế công cộng	Tổ chức y tế
12	Điện quang và y học hạt nhân	Chẩn đoán hình ảnh
13	Dược lý và dược lâm sàng	Dược lý và dược lâm sàng
14	Quản lý bệnh viện	Tổ chức y tế

**2.2.3.5. Thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi tuyển của Trường**

- Triển khai tổ chức thi tuyển theo quy định hiện hành. Kế hoạch cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh.

- Địa điểm: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

**2.2.4. Điều kiện xét tuyển:** Theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 01/9/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

**2.2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh hàng năm theo ngành, tổng chỉ tiêu năm 2023 là 280 chỉ tiêu.

<b>TT</b>	<b>Ngành cao học</b>	<b>Số chỉ tiêu</b>
1	Dược lý dược lâm sàng	8
2	Điện quang và y học hạt nhân	25
3	Điều dưỡng	20
4	Gây mê hồi sức	15
5	Khoa học y sinh	15
6	Nội khoa	60
7	Ngoại khoa	45
8	Nhi khoa	25
9	Răng - Hàm - Mặt	10
10	Sản phụ khoa	20
11	Tai - Mũi - Họng	12
12	Y học cổ truyền	5
13	Y tế công cộng	20

**2.2.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:** theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

**2.2.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường**

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và thông báo tuyển sinh cao học năm 2023 của Đại học Huế.

**2.2.8. Chính sách ưu tiên:** theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

**2.2.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:** Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các quy định có liên quan (nếu có) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

### **2.3. Tuyển sinh Chuyên khoa cấp I**

#### **2.3.1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học bác sĩ, dược sĩ, cử nhân y khoa.

**2.3.2. Phạm vi tuyển sinh:** tuyển sinh trong cả nước.

#### **2.3.3. Phương thức tuyển sinh**

Thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

**2.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xây dựng theo ngành/chuyên ngành có thể được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế trong các đợt tuyển sinh.

**2.3.5. Điều kiện dự thi**

- Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học.

- Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc. Các thí sinh thuộc diện này cần nộp đầy đủ các minh chứng làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi

- Đối với bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi chuyên môn khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình.

- Thí sinh dự thi chuyên ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng có bằng tốt nghiệp Đại học với hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học phải tốt nghiệp đạt loại khá trở lên.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo Quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Có thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ 12 tháng trở lên đến thời điểm đăng ký dự thi.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

- Điều kiện dự thi và các thay đổi tuyển sinh khác sẽ được cập nhật theo quy định của Bộ Y tế (nếu có)

**2.3.6. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến là 750 chỉ tiêu.

TT	Chuyên ngành	Mã số	Môn thi	
			Cơ sở	Chuyên ngành
1	Nội khoa	CK 60 72 20	Sinh lý	Nội khoa
2	Thần kinh	CK 60 72 21	Sinh lý	Thần kinh
3	Ngoại khoa	CK 60 72 07	Giải phẫu	Ngoại khoa

4	Sản phụ khoa	CK 60 72 13	Giải phẫu	Sản phụ khoa
5	Nhi khoa	CK 60 72 16	Sinh lý	Nhi khoa
6	Nhãn khoa	CK 60 72 56	Giải phẫu ĐMC	Nhãn khoa
7	Răng Hàm Mặt	CK 60 72 28	Cơ sở RHM	Răng Hàm Mặt
8	Tai Mũi Họng	CK 60 72 53	Giải phẫu ĐMC	Tai Mũi Họng
9	Chẩn đoán hình ảnh	CK 60 72 05	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
10	Gây mê hồi sức	CK 60 72 31	Sinh lý	Gây mê hồi sức
11	Hồi sức cấp cứu	CK 60 72 31	Sinh lý	Hồi sức cấp cứu
12	Y học cổ truyền	CK 60 72 60	Sinh lý	Y học cổ truyền
13	Phục hồi chức năng	CK 60 72 43	Sinh lý	Phục hồi chức năng
14	Dược lý - DLS	CK 60 73 05	Hóa phân tích	DL-DLS
15	Tổ chức -QLD	CK 60 73 20	Hóa phân tích	TC-QLD
16	Dược liệu - DCT	CK 60 73 10	Hóa phân tích	DL-DCT
17	Da liễu	CK 60 72 35	Sinh lý	Da liễu
18	Tâm thần	CK 60 72 22	Sinh lý	Tâm thần
19	Truyền nhiễm BNĐ	CK 60 72 38	Sinh lý	Truyền nhiễm
20	Hóa sinh y học	CK 60 72 04	Sinh lý	Hóa sinh
21	Huyết học TM	CK 60 72 25	Sinh lý	HH-TM
22	Y học gia đình	CK 60 72 98	Sinh lý	Y học gia đình
23	Y tế công cộng	CK 60 72 76	Dịch tễ học cơ sở	Tổ chức y tế
24	Y học dự phòng	CK 60 72 73	Dịch tễ học cơ sở	Y học dự phòng
25	Dịch tễ học	CK 60 72 70	Tổ chức y tế	Dịch tễ học
26	Điều dưỡng	CK 60 72 90	Điều dưỡng cơ bản	Điều dưỡng đa khoa
27	Cấp cứu đa khoa	CK 60 72 31	Sinh lý	Cấp cứu đa khoa
28	Ung thư	CK 60 72 23	Giải phẫu	Ung thư
29	Ký sinh trùng CT	CK 60 72 65	Vi sinh	Ký sinh trùng
30	Lao	CK 60 72 24	Sinh lý	Lao
31	Sinh lý	CK 60 72 04	Giải phẫu	Sinh lý
32	Vi sinh y học	CK 60 72 68	Ký sinh trùng	Vi sinh

**2.3.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi:** Theo quy định của Bộ Y tế hiện hành.

**2.3.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các chuyên ngành của trường**

**2.3.9. Chính sách ưu tiên:** các đối tượng ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn theo quy định tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế hiện hành.

**2.3.10. Học phí dự kiến theo lộ trình tăng học phí cho từng năm:** Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các quy định có liên quan (nếu có) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

## **2.4. Tuyển sinh chuyên khoa II**

**2.4.1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I, thạc sĩ, bác sĩ nội trú.

**2.4.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**2.4.3. Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

**2.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xây dựng theo chuyên ngành có thể được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế trong các đợt tuyển sinh.

### **2.4.5. Điều kiện dự thi**

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I hoặc bác sĩ nội trú hoặc thạc sĩ chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi ở trình độ chuyên khoa II.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo Quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Thí sinh tốt nghiệp chuyên khoa I có thâm niên chuyên môn trong chuyên ngành dự thi 6 năm trở lên kể từ ngày tốt nghiệp đại học (không tính thời gian học chuyên khoa I) hoặc có thâm niên chuyên môn trong chuyên ngành dự thi 3 năm trở lên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

- Điều kiện dự thi và các thay đổi tuyển sinh khác sẽ được cập nhật theo quy định của Bộ Y tế (nếu có)

### **2.4.6. Chỉ tiêu tuyển sinh**

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến: 250 chỉ tiêu.

- Môn thi Ngoại ngữ: tiếng Anh/tiếng Pháp.

- Môn chuyên ngành:

<b>TT</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Mã số</b>	<b>Môn chuyên ngành</b>
-----------	---------------------	--------------	-------------------------

1	Nội khoa	CK 62 72 20 40	Nội khoa
2	Nội tiêu hóa	CK 62 72 20 01	Nội tiêu hóa
3	Nội thận tiết niệu	CK 62 72 20 20	Nội thận tiết niệu
4	Nội tiết	CK 62 72 20 15	Nội tiết
5	Nội tim mạch	CK 62 72 20 25	Nội tim mạch
6	Lão khoa	CK 62 72 20 30	Lão khoa
7	Thần kinh	CK 62 72 21 40	Thần kinh
8	Ngoại khoa	CK 62 72 07 50	Ngoại khoa
9	Chấn thương chỉnh hình	CK 62 72 07 25	Chấn thương chỉnh hình
10	Ngoại tiêu hóa	CK 62 72 07 01	Ngoại tiêu hóa
11	Ngoại tiết niệu	CK 62 72 07 15	Ngoại tiết niệu
12	Sản phụ khoa	CK 62 72 13 03	Sản phụ khoa
13	Sản khoa	CK 62 72 13 01	Sản khoa
14	Phụ khoa	CK 62 72 13 02	Phụ khoa
15	Nhi khoa	CK 62 72 16 55	Nhi khoa
16	Nhi tiêu hóa	CK 62 72 16 05	Nhi tiêu hóa
17	Nhi tim mạch	CK 62 72 16 15	Nhi tim mạch
18	Nhi thận tiết niệu	CK 62 72 16 35	Nhi thận tiết niệu
19	Nhi sơ sinh	CK 62 72 16 01	Nhi sơ sinh
20	Nhãn khoa	CK 62 72 56 01	Nhãn khoa
21	Mũi họng	CK 62 72 53 05	Mũi họng
22	Gây mê hồi sức	CK 62 72 33 01	Gây mê hồi sức
23	Chẩn đoán hình ảnh	CK 62 72 05 01	Chẩn đoán hình ảnh
24	Răng hàm mặt	CK 62 72 28 15	Răng hàm mặt
25	Y học cổ truyền	CK 62 72 60 01	Y học cổ truyền
26	Hóa sinh y học	CK 62 72 04 01	Hóa sinh y học
27	Huyết học	CK 62 72 25 01	Huyết học
28	Truyền nhiễm	CK 62 72 38 01	Truyền nhiễm
29	Tâm thần	CK 62 72 22 45	Tâm thần
30	Quản lý y tế	CK 62 72 76 05	Quản lý y tế
31	Dược lý dược lâm sàng	CK 62 73 05 05	Dược lý dược lâm sàng
32	Hồi sức cấp cứu	CK 62 72 31 01	Hồi sức cấp cứu
33	Ung thư	CK 62 72 23 21	Ung thư

**2.4.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi:** theo quy định của Bộ Y tế.

**2.4.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường**

**2.4.9. Chính sách ưu tiên**

Các đối tượng ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn.

**2.4.10. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:** Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các quy định có liên quan (nếu có) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

## **2.5. Tuyển sinh bác sĩ nội trú**

**2.5.1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy loại khá trở lên năm 2023.

**2.5.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**2.5.3. Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

**2.5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Theo chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh hàng năm theo ngành, tổng chỉ tiêu năm 2023 là 151.

### **2.5.5. Điều kiện dự thi**

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ y khoa hệ chính quy năm 2023 thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành dự thi và đạt loại khá trở lên.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

- Có đủ sức khỏe học tập.

- Điều kiện dự thi và các thay đổi tuyển sinh khác sẽ được cập nhật theo quy định của Bộ Y tế (nếu có)

### **2.5.6. Môn thi và chỉ tiêu tuyển sinh**

- Môn thi 1: Ngoại ngữ (môn điều kiện)

- Môn thi 2: Chọn 1 trong 4 môn gồm: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền.

<b>TT</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Môn thi 3</b>	<b>Môn thi 4</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1.	Nội khoa	Nội khoa	Nhi khoa	20
2.	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Sản phụ khoa	20
3.	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Ngoại khoa	15
4.	Nhi khoa	Nhi khoa	Nội khoa	10
5.	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Nội khoa	15
6.	Huyết học- Truyền máu	Huyết học- Truyền máu	Nội khoa	3
7.	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Nội khoa	15

<b>TT</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Môn thi 3</b>	<b>Môn thi 4</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
8.	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Nội khoa	6
9.	Nhãn khoa	Nhãn khoa	Ngoại khoa	6
10.	Tai Mũi họng	Tai Mũi họng	Ngoại khoa	7
11.	Ung thư	Ung thư	Ngoại khoa	8
12.	Y học cổ truyền	Lý luận y học cổ truyền	Nội y học cổ truyền	3
13.	Răng Hàm mặt	Nha khoa	Phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	10
14.	Da liễu	Da liễu	Nội khoa	4
15.	Tâm thần	Tâm thần	Nội khoa	6
16.	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Nội khoa	3

(Chi tiết về kỳ thi tuyển sẽ có trong thông báo tuyển sinh Bác sĩ nội trú năm 2023 của Trường Đại học Y- Dược, Đại học Huế)

**2.5.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi:** Theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và của Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế.

**2.5.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các chuyên ngành của trường:** Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/BGDĐT) được miễn thi môn ngoại ngữ.

**2.5.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:** miễn học phí đối với bác sĩ nội trú.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Đại học Huế;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT; ĐTSĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy**